

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Khoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên toà số 37/2017/QĐST-HPT ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – Sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th – Sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Th có thời gian tự do tìm hiểu rồi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/5/2007. Sau khi tổ chức hôn lễ vợ chồng về chung sống với nhau ngày, ở chung với gia đình anh Th. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu, sau đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th thường xuyên chơi bời, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến kinh tế gia đình suy yếu. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Kể từ khi ly thân hai bên đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định chị và anh Th có 03 (ba) con chung là cháu Bùi Minh Ng sinh ngày 15/5/2008, cháu Bùi Ngọc L sinh ngày 17/3/2010 và cháu Bùi Ngọc M sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở cùng bố và phát triển bình thường. Ly hôn do điều kiện của chị còn nhiều khó khăn nên vợ chồng đã thoả thuận để cả ba cháu tiếp tục ở với bố và ông bà nội. Nếu anh Th có yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Nguyễn Thị N xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – anh Bùi Văn Th có lời khai trình bày trong hồ sơ như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau ngày 09/5/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị N về nhà anh làm dâu luôn, vợ chồng không có thời gian sống riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu, tuy nhiên sau đó thì thoả có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Kể từ khi ly thân hai bên đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Văn Th xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Bùi Minh Ng sinh ngày 15/5/2008, cháu Bùi Ngọc L sinh ngày 17/3/2010 và cháu Bùi Ngọc M sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở cùng anh và phát triển hoàn toàn bình thường. Nếu ly hôn, anh mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba cháu. Anh không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh Bùi Văn Th xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Tống Thị T (là mẹ đẻ của anh Bùi Văn Th) trình bày: Vợ chồng anh Th chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang vào năm 2007. Ban đầu vợ chồng chung sống thuận hoà nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do anh Th nghi ngờ chị N đi làm công ty có mối quan hệ không nghiêm túc ở bên ngoài nên từ đó anh trở nên buồn chán, chơi bời. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh Th quan điểm của gia đình là để cho anh chị tự quyết định. Về con chung, anh chị có ba con chung. Hiện cả ba cháu vẫn đang ở cùng anh Th và gia đình bà. Nếu vợ chồng ly hôn gia đình cũng có nguyện vọng để cả ba cháu tiếp tục ở với bố và gia đình ông bà nội. Về tài sản, vợ chồng không có gì liên quan, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương, chính quyền thôn R cho biết: Vợ chồng chị N anh Th kết hôn vào năm 2007. Quá trình chung sống tại địa phương chính quyền thôn không thấy vợ chồng to tiếng hay xô xát gì, chỉ nghe được thông tin anh Th không chịu khó làm ăn, chơi bời dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Về con chung, anh chị có ba con chung, hiện đang ở với anh Th và ông bà nội. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh Th, về quan hệ vợ chồng, con chung cũng như tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh Th, chị xin ly hôn anh Th và đồng ý để anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, nếu anh Th có yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh thì chị cũng đồng ý. Lý do chị đồng ý để anh Th nuôi dưỡng cả ba con chung là do hiện nay điều kiện của chị còn rất khó khăn, thu nhập thấp, lại chỉ có một mình, anh Th cũng rất quan tâm đến con cái. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác không có nên chị không yêu cầu gì.

Anh Bùi Văn Th đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử công bố ý kiến của anh Th có trong hồ sơ. Chị N không có ý kiến gì về ý kiến đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Giao anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu Bùi Minh Ng sinh ngày 15/5/2008, Bùi Ngọc L sinh ngày 17/3/2010 và Bùi Ngọc M sinh ngày 19/11/2012. Cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Bùi Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà ngày hôm nay anh Bùi Văn Th vắng mặt nhưng anh Th đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th là có căn cứ.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Th đều đã trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2007 tại UBND xã T. Chị N cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc ngày 09/5/2007. Như vậy, hôn nhân của chị N và anh Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N và anh Th đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn nhưng anh Th không đồng ý. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương và gia đình thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N xin ly hôn anh Th là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Th xác nhận anh chị có ba con chung là cháu Bùi Minh Ng sinh ngày 15/5/2008, cháu Bùi Ngọc L sinh ngày 17/3/2010 và cháu Bùi Ngọc M sinh ngày 19/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng anh Th và ông bà nội. Ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu. Chị N cũng đồng ý để anh Th nuôi cả ba cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy từ trước đến nay cả ba cháu đều ở cùng bố mẹ và ông bà nội, cuộc sống của ba cháu đều phát triển hoàn toàn bình thường. Từ khi chị N về nhà mẹ đẻ ở thì cả ba cháu vẫn ở cùng bố và ông bà nội, cuộc sống không có xáo trộn gì lớn. Anh Th vẫn rất quan tâm và chăm sóc chu đáo cho các con. Nay anh Th đi làm ăn xa nhưng anh vẫn cố gắng thu xếp thời gian về nhà thăm nom con, hàng tháng anh vẫn gửi sinh hoạt phí về cho gia đình. Hơn nữa các cháu đều có nguyện vọng được xin ở với bố. Còn chị N hiện nay điều kiện kinh tế rất khó khăn, một mình chị không thể chăm sóc cho con được, chị kiên quyết không xin nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả ba con chung của anh chị là cháu Ng, cháu L và cháu M cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Th đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Giao anh Bùi Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung của vợ chồng là cháu Bùi Minh Ng sinh ngày 15/5/2008, cháu Bùi Ngọc L sinh ngày 17/3/2010 và cháu Bùi Ngọc M sinh ngày 19/11/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04479 ngày 30/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Hải Vinh